

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Bộ chỉ số theo dõi và đánh giá thực hiện “Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020” trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Quyết định số 215/QĐ-TTg ngày 06/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 21/2016/QĐ-TTg ngày 17/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp liên ngành về phòng, chống bạo lực gia đình;

Căn cứ Quyết định số 4022/QĐ-BVHTTDL ngày 18/11/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc ban hành Bộ chỉ số theo dõi và đánh giá thực hiện “Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020”

UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Bộ chỉ số theo dõi và đánh giá thực hiện “Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020” trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk với nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

Tăng cường sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể trong thực hiện công tác phòng, chống bạo lực gia đình; Đánh giá tiến độ thực hiện các mục tiêu của Chương trình hành động phòng, chống bạo lực gia đình làm cơ sở để tham mưu, chỉ đạo đẩy mạnh các giải pháp góp phần thực hiện thành công các mục tiêu của Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các ngành, các cấp trong việc theo dõi và đánh giá các chỉ số thực hiện Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình. Các chỉ số đánh giá đảm bảo độ tin cậy cao, đúng thời gian quy định.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA KẾ HOẠCH

1. Nội dung: Tổ chức hỗ trợ triển khai, thu thập, báo cáo các chỉ số đặc thù để theo dõi và đánh giá kết quả thực hiện “Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020” theo chức năng nhiệm vụ và hệ thống quản lý của ngành, của đơn vị.

2. Thời gian thực hiện: Năm 2017 – 2020

3. Cơ quan thực hiện: Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được cân đối, bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của các sở, ban, ngành, đoàn thể và các huyện, thị xã, thành phố theo phân cấp ngân sách hàng năm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Là cơ quan chủ trì, theo dõi, đôn đốc công tác triển khai các hoạt động của Kế hoạch này; định kỳ tổng hợp báo cáo Bộ chỉ số theo dõi và đánh giá thực hiện “Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020” trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk quy định.

2. Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 17/7/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành các Kế hoạch triển khai thực hiện các Đề án, Chương trình thực hiện Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh định kỳ theo dõi, tổng hợp Bộ chỉ số theo dõi và đánh giá thực hiện “Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020” theo ngành, theo lĩnh vực cho UBND tỉnh thông qua Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước ngày 10/6 (báo cáo 06 tháng), trước ngày 10/12 (báo cáo năm) (có Biểu mẫu đính kèm Kế hoạch này).

3. Đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh phối hợp tổng hợp số liệu tỷ lệ vụ bạo lực gia đình đề nghị xét xử và tỷ lệ vụ bạo lực gia đình đưa ra xét xử.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ nội dung của Kế hoạch này, chỉ đạo triển khai công tác thu thập Bộ chỉ số theo dõi và đánh giá thực hiện Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020 trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố có hiệu quả; định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước ngày 10/6 (báo cáo 06 tháng), trước ngày 10/12 (báo cáo năm).

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tăng cường các hoạt động tuyên truyền trực tiếp đến từng hộ gia đình về pháp luật phòng, chống bạo lực gia đình; hướng dẫn, tạo điều kiện để Ban tự quản các thôn, buôn, tổ dân phố tổ chức các buổi tọa đàm, sinh hoạt câu lạc bộ gia đình hạnh phúc về chủ đề phòng, chống bạo lực gia đình.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Bộ chỉ số theo dõi và đánh giá thực hiện “Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020” trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã thành phố nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ VHTTDL (B/c);
- Vụ Gia đình-Bộ VHTTDL (B/c);
- TT Tỉnh ủy (B/c);
- TT HĐND tỉnh (B/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- UBND các huyện, Tx, Tp;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + CVP, Phó CVP (Đ/c An);
- Lưu: VT, KGVX (H'N-70b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Hà

BIỂU MẪU BÁO CÁO CHỈ SỐ

Theo dõi và đánh giá việc thực hiện Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
(Kèm theo Kế hoạch số: 1337/KH-UBND ngày 22/02/2017 của UBND tỉnh)



Biểu 01. Áp dụng cho các Cơ quan của tỉnh

STT	Cơ quan báo cáo	Nhóm, tên chỉ số	Công thức tính	Phân tổ chủ yếu
1	Công an tỉnh	Tỷ lệ % lượt nạn nhân bạo lực gia đình được bảo vệ an toàn (M6d)	Được tính bằng: (Số lượt nạn nhân BLGD trên một địa bàn trong kỳ báo cáo được bảo vệ an toàn trong và sau khi xảy ra vụ việc BLGD/Tổng số lượt nạn nhân BLGD trên địa bàn đó trong cùng kỳ) x 100	<ul style="list-style-type: none"> - Huyện, thị xã, thành phố; - Giới tính; - Nông thôn, thành thị; - Hình thức bảo vệ (M6d)
		Tỷ lệ % người gây bạo lực gia đình bị xử phạt vi phạm hành chính (M7b)	Được tính bằng: (Số lượt người gây BLGD trên một địa bàn trong kỳ báo cáo bị xử phạt hành chính/Tổng số lượt người gây BLGD trên địa bàn đó trong cùng kỳ) x 100	
		Tỷ lệ % vụ bạo lực gia đình đề nghị truy tố (M7c)	Được tính bằng: (Số vụ BLGD trên một địa bàn trong kỳ báo cáo bị truy cứu trách nhiệm hình sự đề nghị truy tố/Tổng số vụ BLGD trên địa bàn đó trong cùng kỳ) x 100	
2	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh	Tỷ lệ % vụ bạo lực gia đình đề nghị xét xử (M7d)	Được tính bằng: (Số vụ BLGD bị truy cứu trách nhiệm hình sự đề nghị xét xử trên một địa bàn trong kỳ báo cáo/Tổng số vụ BLGD trên địa bàn đó trong cùng kỳ) x 100	<ul style="list-style-type: none"> - Huyện, thị xã, thành phố; - Giới tính; - Nông thôn, thành thị;
		Tỷ lệ % đôi nam nữ khi đăng ký kết hôn được cung cấp thông tin, kiến thức, kỹ năng về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình (M1b)	Được tính bằng: (Số đôi nam nữ đăng ký kết hôn được cung cấp thông tin, kiến thức, kỹ năng về gia đình và PCBLGD trên một địa bàn trong kỳ báo cáo/Tổng số đôi nam nữ đăng ký kết hôn trên địa bàn đó trong cùng kỳ) x 100	<ul style="list-style-type: none"> - Huyện, thị xã, thành phố; - Giới tính; - Nông thôn, thành thị; - Loại hình dịch vụ (M6b)
		Tỷ lệ % lượt nạn	Được tính bằng: (Số lượt nạn nhân	

3	Sở Tư pháp	nhân bạo lực gia đình được tiếp cận dịch vụ tư vấn pháp lý (bao gồm cả trợ giúp pháp lý) (M6b)	BLGD được tư vấn pháp lý trên một địa bàn trong kỳ báo cáo/Tổng số lượt nạn nhân BLGD trên địa bàn đó trong cùng kỳ) x 100	
4	Sở Y tế	Tỷ lệ % lượt nạn nhân bạo lực gia đình được tiếp cận dịch vụ chăm sóc y tế (M6c)	Được tính bằng: (Số lượt nạn nhân BLGD được tiếp cận dịch vụ chăm sóc y tế trên một địa bàn trong kỳ báo cáo/Tổng số nạn nhân BLGD trên địa bàn đó trong cùng kỳ) x 100	- Huyện, thị xã, thành phố; - Giới tính; - Nông thôn; thành thị;
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tỷ lệ % cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thực hiện giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình (M1c)	Được tính bằng: (Số cơ sở giáo dục trên địa bàn trong kỳ báo cáo có thực hiện giáo dục chuyển đổi hành vi về gia đình và PCBLGD/Tổng số cơ sở giáo dục trên địa bàn đó trong cùng kỳ) x 100	- Huyện, thị xã, thành phố; - Cấp học/bậc học; - Nông thôn, thành thị;
6	Tòa án nhân dân tỉnh	Tỷ lệ % vụ bạo lực gia đình đưa ra xét xử (M7e)	Được tính bằng: (Số vụ BLGD bị truy cứu trách nhiệm hình sự đưa ra xét xử trên một địa bàn trong kỳ báo cáo/Tổng số vụ BLGD trên địa bàn đó trong cùng kỳ) x 100	- Huyện, thị xã, thành phố; - Giới tính; - Nông thôn; thành thị;

Ghi chú:

- Ký hiệu chữ M là mục tiêu của Chương trình hành động PCBLGD ;
- Ký hiệu số từ 1 đến 8 là số thứ tự của mục tiêu trong Chương trình hành động PCBLGD;
- Ký hiệu số 0 là nhóm chỉ số tăng cường theo dõi giải pháp.
- Ký hiệu chữ b, c, d, e là thứ tự chỉ số trong từng mục tiêu của Chương trình hành động PCBLGD.

Biểu 02. Áp dụng cho các huyện, thị xã, thành phố

STT	Tên chỉ số	Công thức tính	Phân tổ chủ yếu
1	Tỷ lệ % cán bộ tham gia phòng, chống bạo lực gia đình các cấp, các ngành được tập huấn nâng cao năng lực phòng, chống bạo lực gia đình (M2a)	Được tính bằng: (Số cán bộ tham gia công tác PCBLGD trên một địa bàn trong kỳ báo cáo được tập huấn nâng cao năng lực PCBLGD/Tổng số cán bộ tham gia PCBLGD trên địa bàn đó trong cùng kỳ) x 100	Theo cơ quan; đơn vị hành chính;
	Tỷ lệ % lãnh đạo chính quyền, đoàn thể cấp xã được tập huấn nâng cao năng lực phòng, chống bạo lực gia đình (M3a)	Được tính bằng: (Số lãnh đạo chính quyền, đoàn thể cấp xã trên một địa bàn trong kỳ báo cáo được tập huấn PCBLGD/Tổng số lãnh đạo chính quyền, đoàn thể cấp xã trên địa bàn đó trong cùng kỳ) x 100	Theo đơn vị hành chính;
2	Tỷ lệ % xã/phường có tổ chức hoạt động truyền thông về phòng, chống bạo lực gia đình (M1a)	Được tính bằng: (Số xã, phường có tổ chức hoạt động truyền thông về PCBLGD trên một địa bàn trong kỳ báo cáo/Tổng số xã, phường trên địa bàn đó trong cùng kỳ) x 100	Theo đơn vị hành chính;
3	Số kinh phí hàng năm chi cho công tác phòng, chống bạo lực gia đình	Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 143/TTLT/BVHTTDL-BTC ngày 21/10/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Tài chính về việc quy định chế độ quản lý và sử dụng kinh phí Nhà nước chi cho công tác phòng chống bạo lực gia đình	Theo đơn vị hành chính;
4	Tỷ lệ % huyện, thị xã, thành phố có giảng viên, báo cáo viên về phòng, chống bạo lực gia đình (M5a)	Được tính bằng: (Số huyện, thị xã, thành phố trong kỳ báo cáo có giảng viên, báo cáo viên về PCBLGD/Tổng số huyện, thị xã, thành phố của tỉnh trong cùng kỳ) x 100	Theo huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh
5	Tỷ lệ % xã/ phường có mô hình phòng, chống bạo lực gia đình (M8a)	Được tính bằng: (Số xã, phường trên một địa bàn trong kỳ báo cáo có Mô hình PCBLGD/Tổng số xã, phường trên địa bàn đó trong cùng kỳ) x 100	Theo đơn vị hành chính;
6	Số văn bản liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới (M0d)	Số văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hành chính, điều hành, chỉ đạo nhằm tăng cường hiệu quả công tác PCBLGD	Theo cơ quan ban hành; loại văn bản
7	Tỷ lệ % lượt nạn nhân bạo lực gia đình được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ phòng ngừa (Đường dây nóng, địa	Được tính bằng: (Số lượt nạn nhân BLGD trên một địa bàn trong kỳ báo cáo được tiếp cận hoạt động hỗ trợ phòng ngừa, giáo dục chuyển đổi hành vi/Tổng số lượt nạn nhân	Theo đơn vị hành chính; giới tính; nhóm

	chi tin cậy, Câu lạc bộ, Tổ tư vấn, Tổ hòa giải...) (M6a)	BLGD trên địa bàn đó trong cùng kỳ) x 100	tuổi; địa bàn cư trú;
8	Tỷ lệ % lượt người có hành vi bạo lực gia đình được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ phòng ngừa, truyền thông, giáo dục chuyển đổi hành vi về phòng, chống bạo lực gia đình (các loại hình Câu lạc bộ, Tổ tư vấn, Tổ hòa giải...) (M7a)	Được tính bằng: (Số lượt người gây BLGD trên một địa bàn trong kỳ báo cáo được tiếp cận hoạt động hỗ trợ phòng ngừa BLGD/Tổng số lượt người gây BLGD trên địa bàn đó trong cùng kỳ) x 100	Theo đơn vị hành chính; giới tính; nhóm tuổi; địa bàn cư trú;

Ghi chú:

- Ký hiệu chữ M là mục tiêu của Chương trình hành động PCBLGD;
- Ký hiệu số từ 1 đến 8 là số thứ tự của mục tiêu trong Chương trình hành động PCBLGD;
- Ký hiệu số 0 là nhóm chỉ số tăng cường theo dõi giải pháp.
- Ký hiệu chữ a, d là thứ tự chi số trong từng mục tiêu của Chương trình hành động PCBLGD./.